

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC QUỐC TẾ - HARU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC QUỐC TẾ - HARU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HARU - INTERNATIONAL EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HARU., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109262557

3. Ngày thành lập: 10/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 21, TT13, Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02439125678

Fax:

Email: info@haru.edu.vn

Website: www.haru.edu.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
3.	Xây dựng công trình điện	4221
4.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
5.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
6.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
7.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá tài sản)	4511
8.	Cho thuê xe có động cơ	7710
9.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm kinh doanh)	4620
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
11.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117

12.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
13.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
14.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
15.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Xây dựng nhà để ở	4101
18.	Xây dựng nhà không để ở	4102
19.	Xây dựng công trình thủy	4291
20.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
21.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
22.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
23.	Phá dỡ	4311
24.	Trồng cây ăn quả	0121
25.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
27.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học	8560
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559(Chính)
29.	Trồng cây mía	0114
30.	Trồng cây lấy sợi	0116
31.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
32.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
33.	Chăn nuôi gia cầm	0146
34.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Trang trí nội thất	7110
38.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hoạt động hợp báo)	8230

39.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4530
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	4659
41.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
42.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
43.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
44.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
45.	Đào tạo trung cấp	8532
46.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
47.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
48.	Trồng cây thuốc lá, thuốc láo	0115
49.	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: - Trồng cây cảnh lâu năm - Trồng cây lâu năm khác còn lại	0129
50.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
51.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
52.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
53.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
54.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
55.	Dịch vụ đóng gói	8292
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
60.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
61.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
62.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619

63.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản, tư vấn bất động sản (không hoạt động đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
64.	Điều hành tua du lịch - Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
65.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
66.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
67.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (trừ hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
68.	Khai thác thủy sản biển (Căn cứ Điều 50 Luật thủy sản 2017)	0311
69.	Khai thác thủy sản nội địa (Căn cứ Điều 50 Luật thủy sản 2017)	0312
70.	Nuôi trồng thủy sản biển (Căn cứ Điều 38 Luật thủy sản 2017)	0321
71.	Nuôi trồng thủy sản nội địa (Căn cứ Điều 38 Luật thủy sản 2017)	0322
72.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
73.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
74.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
75.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
76.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường)	7990
77.	Đại lý du lịch	7911
78.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	5229
79.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);	5510
80.	Quảng cáo	7310

81.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
82.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải bằng ô tô - Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng ô tô	4932

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÁN NGỌC TRUNG	Tổ 6, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	15,000	012124552	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	75.000	750.000.000	15,000		

2	NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN	Tổ 4, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	400.000	4.000.000.000	80,000	001176016313
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	400.000	4.000.000.000	80,000	
3	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Thôn Bách Kim, Xã Phú Kim, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	25.000	250.000.000	5,000	001182032811
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	25.000	250.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ HỒNG XUÂN **Giới tính:** Nữ
Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Sinh ngày: 13/03/1976 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 001176016313
Ngày cấp: 13/09/2017 **Nơi cấp:** Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 4, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chỗ ở hiện tại: Tổ 4, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội